Tên: …….. **Nghe:** …...

Lớp: S4…

Ngày làm bài: Thứ….., ngày…./….

GLOBAL ENGLISH 4

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

❖ **CLASSWORK: Extra vocabulary for KET – Part 1**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**waterfall** (n)	thác nước	3	**walk through** (phr)	đi qua (một khu vực, đường,…)
2	**horrible** (adj)	kinh khủng, tệ			

❖ **HOMEWORK: Extra vocabulary for KET – Part 1**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**factory** (n)	nhà máy, xí nghiệp	3	**university** (n)	trường đại học
2	**restaurant** (n)	nhà hàng, quán ăn			

❖ ***Note*: *n = noun: danh từ; phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ.***

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

Mẹo : Chú ý bẫy trong bài nghe (Watch out for traps)

Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

• **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng cần nghe kỹ để chọn đáp án đúng.

• **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't*, *don't*, *not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.

• **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but*, *actually*, *so*, *in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

🔍 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **What did she visit?**

A. Waterfall by the river B. Castle on the hill C. Forest

Bài nghe:

Boy: Did Julian visit the **castle on the hill (B)**?

Girl: **No**, she's been there before I think.

Boy: I know. She went walking in the **forest (C)**.

Girl: **No**, not last weekend. She went to the **waterfall by the river (A)**.

Boy: That sounds interesting!

❖ **Pre-listening: Read each question and choose what type of information you need to listen for.**

0. What did she visit?	*(place) / time*	3. What was the weather like?	weather / place
1. What's Gillian's dog called?	weather / name	4. How did she get home?	name / transport
2. What time did Gillian leave?	transport / time		

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4_w18_classwork_part-1

KET – Part 1 (5 questions)

1.
What did she visit?



A☐ B☐ C☐

2.
What's Gillian's dog called?



A☐ B☐ C☐

3.
What time did Gillian leave?



A☐ B☐ C☐

4.
What was the weather like?



A☐ B☐ C☐

5.
How did she get home?



A☐ B☐ C☐

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ….., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ….., ngày…./….

Từ vựng & Ngữ pháp: .....

Nghe: …...

GLOBAL ENGLISH 4

Unit 5: Adventures - Vocabulary 1 & KET Listening

A. VOCABULARY

❖ **Create an adventure story**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**character** (n)	nhân vật	7	**catch bad guys** (phr)	bắt những kẻ xấu
2	**dilemma** (n)	tình huống khó xử	8	**science kit** (n)	bộ dụng cụ khoa học
3	**title** (n)	tiêu đề	9	**campsite** (n)	khu cắm trại
4	**setting** (n)	bối cảnh	10	**stare** (v)	nhìn chằm chằm
5	**detective** (n)	thám tử	11	**sniff** (v)	đánh hơi / ngửi
6	**solve a crime** (phr)	phá án			

❖ **Create a super hero**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**add** (v)	thêm vào	4	**guideline** (n)	hướng dẫn / nguyên tắc
2	**create** (v)	tạo ra	5	**rub out** (phr)	tẩy, xoá
3	**press** (v)	nhấn, bấm			

❖ ***Note*: *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr = phrase: cụm từ.***

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK (15 questions)

I. Fill in the correct words from the box.

create	press	dilemma	~~guideline~~	rub out	add

0. A guideline is a rule that tells you how to do something correctly.

1. When you ..... a superhero, you make a new character with special powers.
2. You ..... new details, like colors or symbols, to make the hero interesting.
3. You ..... a button to choose different tools or powers on your screen.
4. If you make a mistake, you can ..... the part you don't want.
5. A(n) ..... is a problem where you must choose between two things, and it is hard to decide.

LIVEWORKSHEETS

II. Read the text and choose the correct answers.

THE ADVENTURE CAMPSITE



Lucy and Tom are at a campsite for the weekend. They want to write an adventure story for school. First, they choose a title and think about the setting. They decide the story will happen in a forest at night.

In their story, the main **character** is a young detective. He travels with a small science kit to help him solve a crime. One night, the detective sees a shadow in the trees. He stops and begins to stare. His dog starts to **sniff** the ground.

Suddenly, they find two men trying to hide something. The detective calls for help and works to catch bad guys. In the end, he solves the mystery and becomes a hero.

0. What does the word "character" mean in the text?

(A.) The main person in a story.
B. A place for camping.
C. A tool for science.

1. What does the word "sniff" mean?

A. To draw a picture.
B. To look around slowly.
C. To find something by smelling.

2. What helps the detective solve the crime?

A. A pencil and notebook.
B. A science kit.
C. A map.

3. Where does the detective see the shadow?

A. In the trees.
B. In the classroom.
C. In a supermarket.

4. What do the detective and his dog find?

A. Two men hiding something.
B. A lost campsite tent.
C. A box of food.

5. What is the story mainly about?

A. A detective solving a mystery.
B. Lucy and Tom cooking at the campsite.
C. A boy learning English.

III. Circle the correct answers.

*0. Milk **is sell / (is sold)** in the supermarket.*
1. These toys **is made / are made** in Japan.
2. Breakfast **is serve / is served** at 7 a.m. in this hotel.
3. The letters **is delivered / are delivered** every afternoon.
4. This game **is played / is play** by many children.
5. The plants **is watered / are watered** every evening.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4_w18_homework_part-1

KET – Part 1 (5 questions)

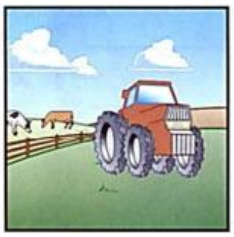
What's Sue's brother's job?





A ☐ B ☑ C ☐

1. Where does her brother work?






A ☐ B ☐ C ☐

2. How does he go to work?





A ☐ B ☐ C ☐

3. When does he start work?





A ☐ B ☐ C ☐

4. What does he do for lunch?





A ☐ B ☐ C ☐

5. What did he do before he started this job?





A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS